**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN LỊCH SỬ KHỐI 12**

**( Năm học 2021 – 2022 )**

**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO**

**PHẦN I: LỊCH SỬ THẾ GIỚI 1945 - 2000**

**BÀI 1. SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI**

**SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945-1949).**

**Câu 1:**  Trật tự hai cực Ian ta hoàn toàn tan rã khi

**A.** Tổ chức Hiệp ước Vác sa va chấm dứt hoạt động.

**B.** Mỹ và Liên xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

**C.** chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.

**D.** Hội đồng tương trợ kinh tế ( SEV) giải thể.

**Câu 2**: Mọi nghị quyết của Hội đồng Bảo an được thông qua với điều kiện nào?

**A.** Phải quá nửa số thành viên của Hội đồng tán thành.

**B.** Phải có 2/3 số thành viên đồng ý.

**C.** Phải được tất cả thành viên tán thành.

**D.** Phải có sự nhất trí của Liên Xô ( Nga), Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

**Câu 3:** Nội dung nào sau đây **không phải** là quyết định của Hội nghị Ianta?

**A.** Tiêu diệt tận gốc CNPX Đức và Quân phiệt Nhật.

**B.** Thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc.

**C.** Hình thành khối Đồng minh chống phát xít.

**D.** Thỏa thuận khu vực đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng.

**Câu 4:** Theo thỏa thuận hội nghị Pôtxđam việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương phía Bắc vĩ tuyến 16 giao cho quân đội nước nào?

**A.** Liên Xô. **B.** Anh. **C.** Mĩ. **D.** Quân đội Trung Hoa Dân Quốc.

**Câu 5:** Mục đích hàng đầu của Liên Hợp Quốc là gì?( Duy trì hòa bình và an ninh thế giới là mục đích của tổ chức nào?)

**A.** Duy trì hòa bình thế giới. **B.** Duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

**C.** Tiến hành hợp tác giữa các nước. **D.**Tôn trọng chủ quyền các nước.

**Câu 6:** Duy trì hòa bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc, tiến hành hợp tác quốc tế là mục đích chính của tổ chức

**A.** Liên ninh châu Âu. **B.** Thương mại thế giới.

**C.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. **D.** Liên hợp quốc**.**

**Câu 7:** Trật tự thế giới mới hình thành sau những quyết định của Hội nghị Ianta 1945 là gì?

**A.** Thế giới hình thành hai hệ thống.

**B.** Trật tự thế giới đơn cực do Mĩ đứng đầu.

**C.** Trât tự hai cực Ianta.

**D.** Thế giới chia thành hai phe.

**Câu 8:** Hội nghị Ianta (2-1945) diễn ra khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai

**A.** đã hoàn toàn kết thúc. **B.** bước vào giai đoạn kết thúc.

**C.** đang diễn ra vô cùng ác liệt. **D.** bùng nổ và ngày càng lan rộng.

**Câu 9**: Theo thỏa thuận của các cường quốc Đồng minh tại Hội nghị Ianta, quân đội nước nào chiếm đóng các nước Đông Âu , Đông Đức và Đông Béc lin?

**A.** Mĩ. **B.** Liên Xô. **C.** Anh. **D.** Pháp.

**Câu 10**: Nội dung nào dưới đây **không phải** là vấn đề cấp bách đặc ra đối với các cường quốc Liên Xô Mỹ, Anh vào đầu năm 1945?

**A.** Nhanh chóng đánh bại chủ nghĩa phát xít. **B.** Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.

**C.** Phân chia thành quả chiến thắng. **D.** Ký hòa ước với các nước bại trận.

**Câu 11:** Trật tự hai cực Ianta được xác lập sau chiến tranh thế giới thứ hai khẳng định vị thế hàng đầu của hai quốc gia nào?

**A.** Liên Xô và Mĩ. **B.** Mĩ và Anh. **C.** Liên Xô và Anh. **D.** Liên Xô và Pháp.

**Câu 12:** Một trong những nguyên tắc hoạt động của LHQ là

**A.** không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với nhau.

**B.** chung sống hòa bình vừa hợp tác vừa đấu tranh.

**C.** tiến hành hợp tác quốc tế giữa các thành viên.

**D.** không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

**Câu 13:** Hội nghị Ianta có ảnh hưởng như thế nào đến tình hình quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Làm nảy sinh mâu thuẫn giữa các cường quốc.

**B.** Đánh dấu sự hình thành trật tự thế giới trật tự Véc Xai- Oa sinh tơn.

**C.** Trở thành khuôn khổ trật tự thế giới mới, từng bước được thiết lập trong những năm 1945-1949.

**D.** Đánh dấu sự xác lập vai trò thống trị toàn cầu của Mĩ.

**Câu 14**: Đặc điểm nổi bật của Trật tự hai cực Ianta sau chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** các nước thắng trận đặt quyền thống trị đối với các nước bại trận.

**B.** các nước tư bản thao túng hoàn toàn trên thế giới.

**C.** thế giới chia thành hai phe do hai siêu cường Xô- Mĩ đứng đầu.

**D.** các nước thắng trận trong phe Đồng minh cùng hợp tác lãnh đạo thế giới.

**Câu 15:** Bản Hiến chương là văn bản quan trọng nhất của LHQ vì

**A.** đề ra nguyên tắc hoạt động của LHQ.

**B.** nêu rõ mục đích của LHQ.

**C.** quy định tổ chức bộ máy và hoạt động của LHQ.

**D.** là cơ sở pháp lí để các nước tham gia vào LHQ.

**Câu 16:** Vì sao LHQ xác định nguyên tắc giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình?

**A.** Đáp ứng nguyện vọng của nhân dân thế giới.

**B.** Vì mục đích của LHQ là duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

**C.** Vì hòa bình là xu thế chung của nhân loại.

**D.** Vì LHQ không can thiệp vào nội bộ các nước.

**Câu 17:** Hội nghị Pốtxđam (1945) thông qua quyết định nào?

**A.** Liên xô tham gia chống Nhật ở châu Á.

**B.** Thành lập Liên hợp Quốc.

**C.** Liên quân Anh Mĩ mở mặt trận Tây Âu để tiêu diệt phát xít Đức.

**D.** Phân công quân đội Đồng minh giải giáp quân Nhật ở Đông Dương.

**Câu 18**: Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2-1945). Liên Xô **không** đóng quân tại khu vực nào sau đây?

 **A.** Đông Đức. **B.** Đông Âu. **C.** Bắc Triều Tiên. **D.** Tây Đức.

**Câu 19:** Nhận xét nào sau đây là đúng về điểm chung của trật tự thế giới theo hệ thống Vécxai-Oasinhtơn và trật tự thế giới hai cực Ianta?

 **A.** Chứng tỏ quan hệ quốc tế bị chi phối bởi các cường quốc.

 **B.** Bảo đảm việc thực hiện quyền tự quyết của các dân tộc.

 **C.** Hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa các nước cùng chế độ chính trị.

 **D.** Có sự phân cực rõ rệt giữa hai hệ thống chính trị xã hội khác nhau.

**BÀI 4. ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ**

**Câu 1**: Thời gian thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á là

**A.** ngày 8 tháng 8 năm 1967. **B.** ngày 8 tháng 8 năm 1976.

**C.** ngày 8 tháng 8 năm 1977. **D.** ngày 8 tháng 8 năm 1978.

**Câu 2:** Trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, khối quân sự được Mĩ, Anh, Pháp và một số nước thành lập để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội và hạn chế thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á là

**A.** Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).

**B.** Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

**C.** Tổ chức Hiệp ước phòng thủ tập thể Đông Nam Á (SEATO).

**D.** Tổ chức Hiệp ước Vácsava.

**Câu 3:** Năm 1945, lợi dụng Nhật đầu hàng đồng minh, một số nước Đông Nam Á tuyên bố độc lập

**A.** Lào, Việt Nam, Campuchia.  **B.** Inđônêxia, Việt Nam, Lào.

**C.** Inđônêxia, Việt Nam, Mianma. **D.** Việt Nam, Singapo, Malaixia.

**Câu 4**: Ngày 9-11-1953 Pháp đã kí hiệp ước với Campuchia nhằm

**A.** trao trả tự do cho Campuchia.

**B.** công nhận độc lập của Campuchia và rút hết quân về nước.

**C.** trao trả độc lập cho Campuchia nhưng Pháp vẫn chiếm đóng nước này.

**D.** trao quyền tự trị và đưa Campuchia vào Liên hiệp Pháp.

**Câu 5:** Sau khi giành độc lập, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược gì?

**A.** Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. **B.** Công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu.

**C.** Xây dựng nền kinh tế tập trung bao cấp. **D.** Liên kết chặt chẽ với Nhật Bản.

**Câu 6:** Các nước sáng lập ASEAN là

**A.** Inđônêxia, Thái Lan, Singapo, Mianma, Lào.

**B.** Inđônêxia, Việt Nam, Mianma, Singapo, Malaixia.

**C.** Inđônêxia, Mianma, Singapo, Malaixia, Lào.

**D.** Inđônêxia, Thái Lan, Singapo, Malaix a, Phi lip pin.

**Câu 7:** Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên tắc hoạt động của ASEAN?

**A.** Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ giữa các nước.

**B.** Không can thiệp vào nội bộ của nhau.

**C.** Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

**D.** Nguyên tắc nhất trí giữa 5 thành viên sáng lập ASEAN.

**Câu 8**:Ý nào dưới đây **không** phải là nội dung cơ bản của chiến lược kinh tế hướng ngoại mà các nước ASEAN thực hiên trong những năm 60-70?

**A.** Tiến hành cải cách mở cửa nền kinh tế.

**B.** Lấy thị trường trong nước là chỗ dựa phát triển sản xuất.

**C.** Thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật bên ngoài.

**D.** Sản xuất để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

**Câu 9**: Tháng 4-1999, tại Hà Nội, ASEAN kết nạp thành viên nào?

**A.** Campuchia. **B.** Lào. **C.** Bru nây. **D.** Mianma.

**Câu 10:**  Sự khởi sắc của ASEAN được đánh dấu bằng sự kiện nào sau đây?

**A.** Hội nghị cấp cao lần thứ nhất họp tại Bali.

**B.** Thời kì quan hệ giữa các nước Đông Dương và ASEAN được cải thiện.

**C.** Brunây gia nhập và trở thành thành viên thứ sáu của ASEAN.

**D.** Tháng 7 năm 1997 Lào và Mianma gia nhập ASEAN.

**Câu 11:** Nét tương đồng về sự hình thành và phát triển của ASEAN và EU là

**A.** thành lập sau khi trở thành những quốc gia độc lập.

**B.** hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa.

**C.** lúc mới thành lập có 6 nước sau phát triển thêm.

**D.** từ thập kỉ 90 của thế kỉ XX, trở thành khu vực năng động có địa vị quốc tế cao.

**Câu 12:** Việc mở rộng thành viên của ASEAN diễn ra lâu dài và đầy trở ngại chủ yếu là do

**A.** có nhiều khác biệt biệt về văn hóa giữa các quốc gia.

**B.** nguyên tắc hoạt động của ASEAN không phù hợp với một số nước.

**C.** tác động của chiến tranh lạnh và cục diện 2 phe, 2 cực.

**D.** các nước thực hiện chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

**Câu 13**: Nguyên nhân quyết định thắng lợi của cách mạng Lào và Việt Nam năm 1945 là

**A.** thời cơ thuận lợi- Nhật đầu hàng Đồng minh.

**B.** tinh thần đoàn kết của nhân dân hai nước.

**C.** truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân hai nước.

**D.** vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

**Câu 14**: Trước chiến tranh thế giới thứ hai, hầu hết các nước Đông Nam Á( trừ Thái Lan) là thuộc địa của

**A.** Mĩ, Nhật. **B.** Pháp, Nhật .

**C.** Anh, Pháp,Mĩ. **D.** các nước đế quốc Âu – Mĩ.

**Câu 15:** Sự kiện đánh dấu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương kết thúc thắng lợi là

**A.** Hiệp định Giơ ne vơ. **B.** Hiệp định Viêng Chăn.

**C.** chiến dịch Điện Biên Phủ. **D.** Hiệp định Pari.

**Câu 16**: Nhóm 5 nước sáng lập ASEAN thi hành chiến lược kinh tế công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu nhằm mục tiêu gì?.

**A.** Xây dựng đất nước giàu mạnh, dân chủ văn minh.

**B.** Xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ.

**C.** Xây dựng nền kinh tế phát triển bền vững.

**D.** Nâng cao đời sống nhân dân , phát triển đất nước.

**Câu 17:** Nhân dân Lào chống Mĩ ( 1954- 1975) trên những mặt trận nào?

**A.** Kinh tế - chính trị- quân sự. **B.** Kinh tế - chính trị- binh vận.

**C.** Kinh tế - chính trị- ngoại giao. **D.** Chính trị- quân sự- ngoại giao.

**Câu 18:** Kết quả cuộc đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á năm 1945 chứng tỏ

**A.** lực lượng vũ trang giữ vai trò quyết định. **B.**điều kiện khách quan giữ vai trò quyết định.

**C.** tầng lớp trung gian đóng vai trò nòng cốt. **D.** điều kiện chủ quan giữ vai trò quyết định.

**Câu 19**: Tháng 8-1967, Hiệp hội các quốc gia ĐNA thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào?

**A.** Toàn cầu hóa. **B.** Liên kết khu vực.

**C.** Hòa hoãn Đông –Tây. **D.** Đa cực, nhiều trung tâm.

**Câu 20:** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời nhằm

**A.** giảm bớt sức ép của các nước lớn và hạn chế ảnh hường của chủ nghĩa xã hội.

**B.** phát triển kinh tế, văn hoá trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực.

**C.** hợp tác giữa các nước tạo nên cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh.

**D.** xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, tự do, trung lập.

**Câu 21**:Từ những năm 70 thế kỉ XX, Ấn Độ tự túc được lương thực nhờ tiến hành

**A.** “cách mạng công nghiệp”. **B.** “cách mạng xanh”.

**C.** “cách mạng công nghệ”. **D.** “cách mạng chất xám”.

**Câu 22**: Một trong những mục tiêu quan trọng của ASEAN là

**A.** xóa bỏ áp bức bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu.

**B.** xây dựng khối liên minh chính trị, quân sự.

**C.** xây dựng khối liên minh kinh tế, quân sự.

**D.** tăng cường hợp tác phát triển kinh tế và văn hóa.

**Câu 23**: tổ chức nào lãnh đạo nhân dân Ấn Độ đấu tranh giành độc lập.?

**A.** Đảng Dân tộc. **B.** Đảng Quốc đại. **C.** Đảng Dân chủ. **D.** Đảng Quốc dân.

**Câu 24**: Từ thành công của 5 nước sáng lập ASEAN trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, có thể rút ra bài học nào cho các nước còn lại trong khu vực?

**A.** Giải quyết nạn thất nghiệp và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

**B.** Mở cửa kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kĩ thuật của nước ngoài.

**C.** Xây dựng nền kinh tế tự chủ phát triển nội thương.

**D.** Ưu tiên sản xuất hàng tiêu dùng nội đị để chiếm lĩnh thị trường.

**Câu 25**: Sau CTTG 2, Đông Nam Á có những thuận lợi nào trong cuộc đấu tranh giành độc lập?

**A.** Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.

**B.** Quân Đồng minh chiếm đóng Nhật Bản.

**C.** Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

**D.** Được Liên Xô giúp đỡ để tiến hành giải phóng.

**Câu 26**:Việt Nam có thể rút ra bài học gì từ sự phát triển kinh tế của Ấn Độ?

**A.** Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng.

**B.** Chú trọng cộng nghiệp nặng.

**C.** Áp dụng triệt để thành tựu khoa học kĩ thuật.

**D.** Khai thác triệt để nguồn tài nguyên.

**Câu 27:** Theo phương án Mao bát tơn, trên cơ sở tôn giáo,Ấn Độ chia thành quốc gia nào?
**A.** Ấn Độ, Pakixtan. **B.** Ấn Độ, Butan.

**C.** Ấn Độ, Apganixtan. **D.** Ấn Độ, Băng-la-đét.

**Câu 28**: Trước chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của các nước đế quốc Âu-Mĩ, ngoại trừ

**A.** Đông Ti mo. **B.** Thái Lan. **C.** Philippin. **D.** Xingapo.

**Câu 29**: Những năm 60-70 thế kỉ XX, các nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo là do

**A.** chiến lược kinh tế hướng nội bộc lộ nhiều hạn chế cấn phải khắc phục.

**B.** tác động của cuộc chiến tranh Đông Dương lan rộng đến khu vực.

**C.** các tầng lớp nhân dân trong nước phản đối chiến lược kinh tế hướng nội.

**D.** cuộc kháng chiến chống Mĩ ở Đông Duơng kết thúc, các nước này điều chỉnh chiến lược.

**Câu 30:** Điểm tương đồng trong quá trình ra đời của ASEAN và Liên minh châu Âu EU

**A.** đều là những đồng minh tin cậy của Mĩ.

**B.** đều là đối tác quan trọng của Nhật Bản.

**C.** xuất phát từ nhu cầu liên kết khu vực và hợp tác giữa các nước.

**D.** nhằm hạn chế ảnh hưởng và tác động bên ngoài.

**Câu 31:** Nội dung cơ bản Hiệp ước Bali (2-1976) là

**A.** tuyên bố thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.

**B.** xác định nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.

**C.** thông qua nội dung cơ bản của Hiến chương ASEAN.

**D.** tuyên bố thành lập cộng đồng ASEAN.

**Câu 32:** Trong quá trình thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại từ những năm 60-70 của thế kỉ XX, 5 nước sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đều

**A.** trở thành những con rồng kinh tế châu Á. **B.** có mậu dịch đối ngoại tăng trưởng nhanh.

**C.** trở thành những nước công nghiệp mới. **D.** dẫn đầu thế giới về xuất khẩu gạo.

**Câu 33:** Văn bản được kí kết tại Hội nghị cấp cao ASEAN họp ở Bali (2/1976) là

**A.** Hiệp định hoà bình về Campuchia. **B.** Hiệp ước thân thiện và hợp tác.

**C.** Hiến chương ASEAN. **D.** Tuyên bố của ASEAN.

**Câu 34:** Theo Hiệp ước thân thiện và hợp tác (Hiệp ước Bali, 1976), các tranh chấp được giải quyết theo nguyên tắc

**A.** sử dụng vũ lực. **B.** hợp tác với nước lớn.

**C.** sử dụng biện pháp hoà bình. **D.** đe doạ bằng vũ lực.

**Câu 35:** Ý nghĩa của việc kí Hiệp ước Bali (2/1976) là

**A.** các mâu thuẫn được giải quyết, ASEAN có điều kiện phát triển.

**B.** tạo điều kiện hợp tác xây dựng một cộng đồng ASEAN về kinh tế.

**C.** tạo điều kiện hợp tác xây dựng một cộng đồng ASEAN về văn hoá.

**D.** mở ra thời kì mới trong quan hệ giữa ASEAN với các nước Đông Nam Á.

**Câu 36:** Ngày 26/1/1950, sự kiện đánh dấu thắng lợi to lớn của nhân dân Ấn Độ là

**A.** Ấn Độ tuyên bố tự trị. **B.** Ấn Độ tuyên bố độc lập.

**C.** thực dân Anh rút khỏi Ấn Độ. **D.** Ấn Độ được thống nhất.

**Câu 37:** Trong lĩnh vực công nghệ cao, Ấn Độ trở thành cường quốc về

**A.** công nghệ phần mềm. **B.** công nghệ dược phẩm,

**C.** công nghệ sinh học. **D.** Năng lượng nguyên tử.

**Câu 38:** Ấn Độ là một trong những nước sáng lập

**A.** Liên hợp quốc. **B.** Phong trào không liên kết.

**C.** Phong tràọ vì hoà bình, tiến bộ. **D.** Tổ chức hợp tác Thượng Hải.

**Câu 39:** Theo “phương án Maobáttơn”, Ắn Độ là quốc gia của những người theo

**A.** Phật giáo. **B.** Ấn Độ giáo. **C.** Hồi giáo. **D.** Cơ đốc giáo.

**Câu 40:** Theo “phương án Maobáttơn”, những người theo Hồi giáo sẽ tách khỏi Ấn Độ để thành lập quốc gia tự trị là

**A.** Nêpan. **B.** Pakixtan. C . Bănglađét. **D.** Ápganixtan.

**BÀI 6. NƯỚC MĨ**

**Câu 1**: Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai

 **A.** Anh. **B.** Pháp. **C.** Mỹ. **D.** Nhật.

**Câu 2**: Trong 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, thành tựu lớn nhất của Mĩ là

**A.** đàn áp được phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**B.** là trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.

**C.** sản lượng công nghiệp Mĩ chiếm hơn một nữa của thế giới.

**D.** ngành công nghiệp quốc phòng phát triển mạnh nhất thế giới.

**Câu 3**:Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên nhân đưa nền kinh tế Mĩ phát triển?

**A.** Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên phong phú.

**B.** Áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật vào sản xuất.

**C.** Các công ty của Mĩ có sức cạnh tranh lớn.

**D.** Tập trung mua lại các phát minh lớn.

**Câu 4**: Chính sách đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai từ năm 1945 đến năm 1973 là

**A.** chi phối các tổ chức quốc tế và các liên minh quân sự.

**B.** triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng làm bá chủ thế giới.

C từng bước can thiệp vào cuộc chiến tranh Đông Dương.

**D.** chống Liên Xô và các nước chủ nghĩa xã hội Đông Âu.

**Câu 5**: Mục tiêu chủ yếu của Mĩ trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu là

**A.** làm sụp đổ hoàn toàn CNXH trên thế giới.

**B.** phát động chiến tranh lạnh.

**C.** can thiệp trực tiếp vào các cuộc chiến tranh xâm lược trên thế giới.

**D.** cản trở Tây Âu, Nhật Bản trở thành trung tâm kinh tế thế giới.

**Câu 6**: Sau chiến tranh lạnh kết thúc, chính sách đối ngoại của Mĩ có thay đổi gì?

**A.** Quan hệ ngoại giao giữa Mĩ Trung Quốc được thiết lập.

**B.** Thực hiện chính sách hòa hoãn với Liên Xô.

**C.** Tìm cách vươn lên chi phối, lãnh đạo thế giới.

**D.** Liên kết chặt chẽ với Nhật Bản.

**Câu 7**: Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** bị thiệt hại nặng nề về người và của.

**B.** phát triển mạnh mẽ vươn lên đứng thứ hai thế giới sau Liên Xô.

**C.** phát triển mạnh mẽ trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới.

**D.** bị suy giảm nghiêm trọng do nặng chi phí quốc phòng.

**Câu 8**: Điểm khác của Mĩ so với các nước đồng minh sau chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** sở hữu vũ khí nguyên tử và vũ khí hiện đại.

**B.** đạt nhiều thành tựu về khoa học- kĩ thuật.

**C.** không bị tàn phá về cơ sở vật chất do chiến tranh.

**D.** lôi kéo các nước đồng minh thành lập NATO.

**Câu 9**: Chính sách đối ngoại của Mĩ với Việt Nam từ 1949 đến 1954 là

**A.** can thiệp dính líu trực tiếp vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

**B.** ủng hộ nhân dân Việt Nam giành độc lập từ Phát xít Nhật.

**C.** trung lập không can thiệp vào Việt Nam.

**D.** phản đối Pháp xâm lược Việt Nam.

**Câu 10**: Sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nữa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô là

**A.** đối thoại. **B.** đối đầu. **C.** Hợp tác. **D.** đồng minh.

**Câu 11**: Ý nào dưới đây không phản ánh sự phát triển kinh tế, KH-KT của Mĩ những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Sở hữu ¾ dự trữ vàng của thế giới.

**B.** Sản lượng công nghiệp chiếm hơn một nữa sản lượng công nhiệp toàn thế giới.

**C.** Viện trợ cho Tây Âu 17 tỉ đô la qua kế hoạch phục hưng châu Âu.

**D.** Trở thành nước khởi đầu cuộc cách mạng KH-KT.

**Câu 12**: Từ sau cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế năm 1973, vị trí nền kinh tế Mĩ như thế nào?

**A.** Vẫn đứng đầu thế giới tư bản với ưu thế tuyệt đối.

**B.** Vẫn đứng đầu thế giới tư bản nhưng đã suy giảm hơn trước.

**C.** Tụt xuống đứng thứ hai sau Nhật.

**D.** Ngang bằng với Tây Âu và Nhật.

**Câu 13**: Trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu Mĩ thu được một số kết quả ngoại trừ

**A.** lôi kéo nhiều nước đồng minh đi theo ủng hộ Mĩ.

**B.** ngăn chặn đẩy lùi CNXH trên phạm vi thế giới.

**C.** làm chậm lại quá trình giành độc lập của các nước thuộc địa.

**D.** làm cho nhiều nước chia cắt trong thời gian dài.

**Câu 14**: Những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, mối lo ngại lớn nhất của Mĩ là

**A.** CNXH trở thành hệ thống thế giới, trải dài từ Đông Âu tới đông Châu Á.

**B.** Nhật Bản, Tây Âu vươn lên trở thành trung tâm kinh tế cạnh tranh với Mĩ.

**C.** Nước cộng hòa Nhân Dân Trung Hoa ra đời.

**D.** Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền nguyên tử của Mĩ.

**Câu 15**: Sự kiện nào ảnh hưởng lớn nhất đến tâm lí người dân nước Mĩ trong mấy chục năm cuối thế kỉ XX?

**A.** Di chứng chiến tranh Việt Nam (1954-1975).

**B.** Sa lầy của quân đội Mĩ ở chiến trường miền Bắc Việt Nam.

**C.** Vụ khủng bố 11-9-2001 tại Trung tâm thương mại Mĩ.

**D.** Tổng thống Mĩ – Kennơdi bị ám sát năm 1963.

**Câu 16:** Từ năm 1973 đến năm 1982, kinh tế Mĩ khủng hoảng là do tác động của

**A.** tác động của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**B.** sự cạnh tranh của Nhật Bản và Tây Âu.

**C.** việc Mĩ kí hiệp định Pari với Việt Nam.

**D.** tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.

**Câu 17**:Trong chiến lược cam kết và mở rộng để can thiệp vào nội bội các nước khác, Mĩ

**A.** tăng cường tính năng động nền kinh tế Mĩ.

**B.** sử dụng lực lượng quân đội mạnh.

**C.** sử dụng khẩu hiệu chống chủ nghĩa khủng bố.

**D.** sử dụng khẩu hiệu thúc đẩy dân chủ.

**Câu 18**: Khi thực hiện kế hoạch Mác San giúp các nước Tây Âu phục hồi kinh tế, Mĩ còn có mục đích

**A.** từng bước chiếm lĩnh thị trường Châu Âu.

**B.** tập hợp các nước Tây Âu vào liên minh quân sự chống Liên Xô, Đông Âu.

**C.** thúc đẩy quá trình liên kết kinh tế ở Tây Âu.

**D.** xoa dịu mâu thuẫn giữa các nước thuộc địa với các nước tư bản Tây Âu.

**Câu 19:** Thành tựu khoa học –kĩ thuật nổi bật nhất của Mĩ ở lĩnh vực chinh phục vũ trụ đó là quốc gia đầu tiên trên thế giới

**A.** phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.

**B.** phóng tàu vũ trụ đưa con người đặt chân lên Sao Hỏa.

**C.** phóng phi thuyền đưa con người lên Mặt Trăng.

**D.** phóng tàu vũ trụ đưa cong người bay vòng quanh Trái Đất.

**Câu 20:** Trong quá trình triển khai chiến lược toàn cầu Mĩ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000, Mĩ đạt được kết quả nào?

**A.** Duy trì vị trí cường quốc số 1 trên nhiều lĩnh vực.

**B.** Trực tiếp xóa bỏ hoàn toàn chế độ phân biệt chủng tộc.

**C.** Duy trì sự tồn tại và hoạt động của các tổ chức quân sự.

**D.** Làm chậm quá trình giành thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc.

**Câu 21:** Điểm giống nhau trong chính sách đối ngoại các đời Tổng thống Mĩ từ Tru Man đến Ních Xơn là

**A.** chuẩn bị tiến hành “chiến tranh tổng lực”.

**B.** ủng hộ “chiến lược toàn cầu”.

**C.** xác lập một trật tự thế giới có lợi cho Mĩ.

**D.** theo đuổi “chủ nghĩa lấp chỗ trống”.

**Câu 22:** Điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Mĩ từ 1945 đến 2000 là.

**A.** dù hình thức khác nhau nhưng cùng chung tham vọng bá chủ thế giới.

**B.** tiến hành chạy đua vũ trang chống lại các nước XHCN.

**C.** đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, khống chế đồng minh.

**D.** tiến hành chiến tranh xâm lược và chống chủ nghĩa khủng bố.

**Câu 23:**  Cuộc chiến tranh lạnh do Mĩ phát động chống Liên Xô là cuộc chiến tranh

**A.** không tiếng súng nhưng đặt thế giới trong tình trạng căng thẳng.

**B.** giành thị trường quyết liệt giữa Mĩ và Liên Xô.

**C.** xung đột trực tiếp giữa Mĩ- Liên Xô.

**D.** không hồi kết về quân sự và ý thức hệ giữa Mĩ và Liên Xô.

**Câu 24:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là nước TBCN giàu mạnh nhất thế giới, vì

**A.** Mĩ là nước duy nhất sản xuất được bom nguyên tử.

**B.** Mĩ có thực lực về kinh tế và quân sự.

**C.** là nước đứng đầu về tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

**D.** đứng đầu về dự trữ vàng của thế giới.

**Câu 25:** Sự kiện được xem là khởi đầu của “Chiến tranh lạnh” là

**A.** Chiến lược toàn cầu của Tổng thống Mĩ Rudơven.

**B.** “Kế hoạch Mácsan” giúp Tây Âu phục hồi kinh tế.

**C.** Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman tại Quốc hội Mĩ.

**D.** Mĩ lôi kéo 11 nước phương Tây thành lập khối quân sự NATO.

**Câu 26:** Học thuyết Truman tác động đến quan hệ quốc tế như thế nào?

**A.** Tăng cường quan hệ đồng minh giữa Mĩ với phương Tây.

**B.** Hình thành quan hệ chi phối giữạ Mĩ với các nước phương Tây.

**C.** Gây quan hệ căng thẳng giữa các nước phương Tây với Liên Xô.

**D.** Gây quan hệ căng thẳng giữa Mĩ và phương Tây với Liên Xô và Đông Âu.

**Câu 27:** Kế hoạch Mácsan (6/1947) của Mĩ đề ra nhằm thực hiện mục tiêu

**A.** Mĩ muốn giúp Tây Âu khôi phục kinh tế để Tây Âu lệ thuộc vào Mĩ.

**B.** Mĩ muốn hạn chế sự phát triển của các nước Tây Âu.

**C.** Mĩ muốn thể hiện sức mạnh kinh tế của mình.

**D.** Mĩ muốn cho Tây Âu vay để lấy lãi.

**Câu 28:** Việc Mĩ triển khai “Kế hoạch Mácsan” có tác động đến quan hệ quốc tế ở châu Âu như thế nào?

**A.** Tạo sự đối lập về quân sự giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô và Đông Âu.

**B.** Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Tây Âu vói Đông Âu.

**C.** Tạo sự liên kết kinh tế giữa Mĩ và Tây Âu với Đông Âu.

**D.** Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô.

**Câu 29:** Liên minh quân sự lớn nhất của các nước TBCN phương Tây do Mĩ cầm đầu là

**A.** Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).

**B.** Tổ chức Hiệp ước Vácsava.

**C.** Tổ chức Hiệp ước phòng thủ Đông Nam Á (SEATO).

**D.** Liên minh châu Âu (EU).

**Câu 30:** Một trong những yếu tố dẫn đến sự thay đổi quan trọng trong chính sách đối nội và đối ngoại của Mĩ khi bước vào thế kỉ XXI là

**A.** chủ nghĩa khủng bố. **B.** sự lớn mạnh của Nga.

 **C.** sự lớn mạnh của Trung Quốc. **D.** sự lớn mạnh của cách mạng thế giới.

**BÀI 7. TÂY ÂU**

**Câu 1**: Các nước Tây Âu khôi phục nền kinh tế trong hoàn cảnh nào?

**A.** Chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh thế giới thứ hai.

**B.** Thu nhiều lợi nhuận nhờ chiến tranh thế giới thứ hai.

**C.** Nền kinh tế các nước Đòng Minh giúp đỡ.

**D.** Có nhiều thay đổi về kinh tế chính trị.

**Câu 2**: Sau chiến tranh thế giới thứ hai , Tây Âu và Nhật Bản có gì khác biệt trong quan hệ với Mĩ?

**A.** Tây Âu và Nhật luôn quan hệ chặt chẽ và là đồng minh của Mĩ.

**B.** Nhật liên kết chặt chẽ với Mĩ, Tây Âu tìm cách thoát dần khỏi sự ảnh hưởng của Mĩ.

**C.** Tây Âu liên kết chặt chẽ với Mĩ, Nhật tìm cách thoát dần khỏi sự ảnh hưởng của Mĩ.

**D.** Tây Âu và Nhật liên kết với Mĩ chống lại Liên Xô và các nước XHCN.

**Câu 3:** Các nước Tây Âu thực hiện chính sách liên minh chặt chẽ với Mĩ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến 1973 là vì

**A.** nhận viện trợ về kinh tế của Mĩ và đối trọng với các nước XHCN.

**B.** nhận viện trợ của Mĩ nên lệ thuộc vào Mĩ.

**C.** có mục tiêu chung là chống Liên Xô và các nước XHCN.

**D.** tận dụng sức mạnh của Kinh tế Mĩ để phục hồi nền kinh tế của mình.

 **Câu 4**: Thành tựu lớn nhất của Tây Âu từ năm 1950 đến 1973 là

**A.** phục hồi và phát triển mạnh mẽ kinh tế, chính trị, xã hội.

**B.** trở thành một trong ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới.

**C.** là trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất của thế giới vượt Mĩ, Nhật.

**D.** khoa học kĩ thuật phát triển mạnh mẽ, tái chiếm hệ thống thuộc địa.

**Câu 5:** Sự kiện nào mở đầu cho quan hệ hợp tác giữa các nước Châu Âu dịu đi?

**A.** Tháng 11-1972 CHDC Đức và CHLB Đức kí hiệp định về cơ sở quan hệ giữa hai nước.

**B.** Năm 1975 Các nước châu Âu, Mĩ, Canađa kí định ước Henxinki.

**C.** Tháng 11-1989, bức tường Bec lin bị phá bỏ.

**D.** Tháng 10-1990, nước Đức thống nhất.

**Câu 6:** Từ năm 1945 đến năm 1950, với sự viện trợ của Mỹ, Tây Âu đã

**A.** cơ bản ổn định và phục hồi mọi mặt.

**B.** nhanh chóng vươn lên trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính của thế giới.

**C.** càng khủng hoảng, suy yếu.

**D.** vươn lên sánh ngang cùng Mỹ và Nhật Bản.

**Câu 7:**  Khối quân sự NATO do Mĩ thành lập năm 1949 nhằm mục đích

**A.** chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**B.** chống lại Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu.

**C.** chống Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam.

**D.** chống các nước XHCN và lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 8:**Tại sao Liên Minh châu Âu là tổ chức kinh tế chính trị lớn nhất thế giới hiện nay?

**A.** Thành lập được Nghị viện châu Âu với sự tham dự của các thành viên.

**B.** Sử dụng đồng tiền chung EURO ở nhiều nước thành viên.

**C.** Chiếm 1/4GDP của thế giới có trình độ khoa học kĩ thuật tiên tiến.

**D.** Có dân số đông nhất và có lực lượng lao động có trình độ cao.

**Câu 9**:Từ năm 1945 đến năm 1950 tình hình kinh tế, chính trị Tây Âu có gì nổi bật?

**A.** Kinh tế bị tàn phá do ảnh hưởng của chiến tranh thế giới thứ hai.

**B.** Giai cấp tư sản củng cố chính quyền, phục hồi nền kinh tế.

**C.** Phục hồi nền kinh tế đạt mức trước chiến tranh.

**D.** Giai cấp tư sản đàn áp phong trào cách mạng trong nước.

**Câu 10:** Chính sách đối ngoại của Tây Âu trong những năm 1950-1973 so với những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai có gì khác biệt?

**A.** Liên minh chặt chẽ với Mĩ.

**B.** Quan hệ rộng rãi với nhiều nước.

**C.** Ủng hộ Mĩ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam và tái chiếm thuộc địa cũ.

**D.** Một số nước vẫn tiếp tục liên minh với Mĩ, nhiều nước cố gắng đa dạng hóa đang phương hóa trong quan hệ với bên ngoài.

**Câu 11:** Trong những năm 1950-1973, nhiều nước Tây Âu vẫn tiếp tục liên minh với Mĩ, mặt khác

**A.** mở ­­rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa.

**B.** mở ­­rộng quan hệ hợp tác với các nước Đông Nam Á.

**C.** đa dạng hóa đang phương hóa trong quan hệ đối ngoại.

**D.** Tập trung phát triển quan hệ hợp tác với Mĩ la tinh.

**Câu 12:** Một trong những yếu tố tác động đến sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh lạnh là

**A.** tư bản tài chính xuất hiện và chi phối nền kinh tế thế giới.

**B.** các trung tâm kinh tế tài chính Tây Âu và Nhật bản ra đời.

**C.** sự xuất hiện của các cường quốc và Liên minh châu Âu (EU).

**D.** sự xuất hiện và ngày càng mở rộng của các công ty độc quyền.

**Câu 13**: Liên minh châu Âu (EU) không chỉ là liên kết kinh tế, tiền tệ mà còn liên kết trên lĩnh vực

**A.** chính trị và an ninh chung. **B.** chính trị , đối ngoại và an ninh chung.

**C.** đối ngoại và an ninh. **D.** chính trị và đối ngoại.

**Câu 14:** Các nước Tây Âu liên kết trên cơ sở nào?

**A.** Chung ngôn ngữ, đều nằm phía Tây châu Âu.

**B.** Chung nền văn hóa, trình độ phát triển khoa học-kĩ thuật.

**C.** Tương đồng về văn hóa, trình độ phát triển, trình độ khoa học-kĩ thuật.

**D.** Tương đồng về ngôn ngữ.

**Câu 15:** Việc sử dụng đồng tiền chung EURO có tác dụng

**A.** thống nhất tiền tệ, thúc đẩy kinh tế phát triển.

**B.** thuận lợi trong trao đổi mua bán.

**C.** thống nhất tài chính giữa các nước.

**D.** thống nhất thuế quan, phát triển kinh tế.

**Câu 16**: Điểm nổi bật chính sách đối ngoại Liên Minh châu Âu sau chiến tranh lạnh là

**A.** mở rộng hợp tác các nước trên thế giới. **B.** liên minh chặt chẽ với Mĩ.

**C.** liên minh chặt chẽ với Nga. **D.** liên minh chặt chẽ với Nhật.
**Câu 17**: Kinh tế Mĩ, Nhật Bản, Tây Âu giai đoạn 1973-1991 có điểm tương đồng nào?

**A.** Tăng trưởng nhanh chóng, trở thành ba trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới.

**B.** Bị các nước Liên Xô, Trung Quốc vươn lên cạnh tranh gay gắt.

**C.** Bị suy thoái kéo dài do khủng hoảng năng lượng nhưng vẫn đứng vị trí dẫn đầu thế giới.

**D.** Cùng phát triển thần kì và trở thành đối trọng với các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 18**: Khó khăn lớn nhất trong quá trình phát triển kinh tế Tây Âu giai đoạn 1973-1991 là

**A.** tác động của khủng hoảng năng lượng thế giới.

**B.** lâm vào khủng hoảng suy thoái.

**C.** quá trình “liên hợp hóa” gặp nhiều trở ngại.

**D.** cạnh tranh của Mĩ, Nhật Bản và các nước công nghiệp mới.

**Câu 19**: Nhân tố quan trọng thúc đẩy kinh tế Nhật, Tây Âu, Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** tận dụng tốt cơ hội bên ngoài để phát triển kinh tế.

**B.** sử dụng nguồn viện trợ để phát triển kinh tế.

**C.** áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật để phát triển kinh tế.

**D.** vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước.

**Câu 20**: Sự khác biệt trong chính sách đối ngoại của Tây Âu những năm 1950-1973 so với những năm đầu sau chiến tranh lạnh là

**A.** chịu sự chi phối và ảnh hưởng sâu sắc của Mĩ.

**B.** một số quốc gia đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ với nước ngoài.

**C.** tất cả các nước đều đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại.

**D.** ủng hộ Mĩ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

**Câu 21:** Mĩ viện trợ cho các nước Tây Âu thông qua Kế hoạch Mácsan (1947) nhằm mục đích nào sau đây?

 **A.** Lôi kéo đồng minh để ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội.

 **B.** Lôi kéo đồng minh để củng cố trật tự thế giới “một cực”.

 **C.** Thúc đẩy tiến trình hình thành của Liên minh châu Âu.

 **D.** Giúp các nước Tây Âu phát triển kinh tế để cạnh tranh với Trung Quốc.

**Câu 22:** Đầu thập kỉ 70 của thế kỉ XX, Tây Âu đã trở thành

**A.** trung tâm kinh tế - tài chính duy nhất của thế giới.

**B.** nền kinh tế thứ hai của thế giới, cạnh tranh với Mĩ và Nhật,

**C.** một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới.

**D.** một trung tâm và là một cực của thế giới đa cực.

**Câu 23:** Điểm nổi bật nhất trong sự liên kết các nước Tây Âu ở nửa sau thập niên 60 của thế kỉ XX là

**A.** liên kết kinh tế, chính trị, an ninh chung.

**B.** xuất hiện các liên kết quân sự với Mĩ và phương Tây.

**C.** xuất hiện các liên kết kinh tế trong khuôn khổ Tây Âu.

 **D.** sự hợp tác có hiệu quả trong Cộng đồng châu Âu (EC).

**BÀI 8. NHẬT BẢN**

**Câu 1:** Ba trung tâm kinh tế tài chính lớn được hình thành vào những năm 70 của thế kỷ XX là

**A.** Mỹ, Tâu Âu, Nhật Bản. **B.** Mỹ, Liên Xô, Nhật Bản

**C.** Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc. **D.** Mỹ, Tây Âu, Trung Quốc.

**Câu 2:** Tập trung nguồn lực phát triển kinh tế do chi phí quốc phòng anh ninh thấp là

**A.** Xingapo.  **B.** Nhật Bản. **C.** Trung Quốc. **D.** Đức.

**Câu 3:** Những cải cách dân chủ của Nhật Bản trong giai đoạn 1945 -1952 có ý nghĩa gì?

**A.** Khiến Nhật Bản ngày càng lệ thuộc vào Mỹ.

**B.** Lấy lại những gì bị mất trong chiến tranh thế giới thứ hai.

**C.** Đặt nền tảng cho sự phát triển nhanh, mạnh về sau của Nhật Bản.

**D.** Giúp Nhật Bản thực hiện mục tiêu bá chủ thế giới.

**Câu 4**: Nền tảng căn bản trong chính sách đối ngoại của Nhật từ năm 1945 đến 1973 là

**A.** lệ thuộc vào Mĩ. **B.** liên minh chặt chẽ với Mĩ.

**C.** quan hệ rộng rãi với các nước. **D.** liên minh với Mĩ và Châu Âu.

**Câu 5:** Quốc gia nào là siêu cường tài chính số 1 thế giới vào nữa sau những năm 80 thế kỉ XX?

**A.** Anh. **B.** Mĩ. **C.** Nhật. **D.** Pháp.

**Câu 6:**Từ năm 1952 đến năm 1960, kinh tế Nhật Bản được đánh giá như thế nào?

**A.** Phát triển xen lẫn suy thoái. **B.** Có bước phát triển nhanh.

**C.** Bước đầu suy thoái. **D.** Cơ bản phục hồi.

**Câu 7**: Nhật sử dụng biện pháp nào để phát triển kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Thực hiện ba cuộc cải cách lớn. **B.** Nhờ vào sự hợp tác với các nước châu Á.

**C.** Nhờ áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật. **D.** Nhờ sự giúp đỡ của Tây Âu.

**Câu 8:** Tình hình Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** Nhật chịu hậu quả hết sức nặng nề do ảnh hưởng chiến tranh thế giới thứ hai.

**B.** nhờ vào trợ giúp cộng đồng các nước tư bản , kinh tế phát triển nhanh chóng.

**C.** Mĩ đặt căn cứ quân sự bảo hộ Nhật bị nhân dân chống đối.

**D.** liên minh chặt chẽ với Mĩ chống lại các nước Liên Xô và chủ nghĩa xã hôi.

**Câu 9**: Nguyên nhân quyết định đến sự phát triển kinh tế Nhật Bản và bài học kinh nghiệm nào cho Việt Nam?

**A.** Sự viện trợ của Mĩ, tận dụng nguồn tài nguyên.

**B.** Các công ty Nhật có sức cạnh tranh cao .

**C.** Con người Nhật Bản được đào tạo bài bản, áp dụng thành tựu khoa học kĩ thuật.

**D.** Nhà nước quản lý hiệu quả, công ty có sức cạnh tranh cao.

**Câu 10:** Ý nào **không phải** là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của Nhật Bản?

**A.** Con người được coi là vốn quý nhất.

**B.** Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước.

**C.** Các công ty Nhật có tầm nhìn xa trông rộng.

**D.** Cạnh tranh mạnh mẽ với các nước công nghiệp mới.

**Câu 11:** Từ năm 1973 -1991, điểm mới trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là
**A.** tăng cường hợp tác với các nước Đông Nam Á và ASEAN.

**B.** không chú trọng quan hệ hợp tác với MĨ và Tây Âu.

**C.** chỉ chú trọng quan hệ với Tây Âu và Hàn Quốc.

**D.** chú trọng quan hệ với các nước Đông Bắc Á.

**Câu 12:**Trong những năm 1973-1991, kinh tế Nhật có những đợt suy thoái ngắn là do

**A.** thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp.

**B.** tác động của khủng hoảng năng lượng thế giới.

**C.** sự cạnh tranh của Mĩ và Tây Âu.

**D.** sự cạnh tranh mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ.

**Câu 13:** Văn kiện đặt nền tảng cho quan hệ Mĩ-Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** Hiến pháp mới của Nhật Bản ban hành (1946).

**B.** Hiệp ước Hòa bình Xan phranxixco(1951).

**C.** học thuyết Phu cư đa ( 1977).

**D.** Hiệp ước an ninh Mĩ- Nhật (1951).

**Câu 14:** Trong giai đoạn 1952-1953, Nhật coi trọng giáo dục và phát triển khoa học kĩ thuật , luôn tìm cách đẩy nhanh sự phát triển bằng cách

**A.** đầu tư cho nghiên cứu khoa học 6 tỉ USD.

**B.** mua nhiều bằng phát minh sáng chế.

**C.** tập trung trong lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng.

**D.** xây dựng nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học.

**Câu 15**: Nền tảng xuyên suốt trong chính sách đối ngoại của Nhật sau chiến tranh thế giới thứ hai

**A.** liên minh chặt chẽ với châu Á với khẩu hiệu “châu Á của người châu Á”.

**B.** xây dựng một xã hội độc lập, tự do và phát triển kinh tế làm nền tảng.

**C.** tập trung đa dạng hóa quan hệ quốc tế.

**D.** liên minh chặt chẽ với Mĩ.

**Câu 16:** Biểu hiện rõ nhất sự phát triển thần kì của Nhật Bản từ những năm 1960 đến 1973 là

**A.** tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.

**B.** vươn lên đứng thứ hai trong thế giới tư bản.

**C.** thu nhập bình quân đầu người cao nhất thế giới.

**D.** trở thành siêu cường tài chính số một.

**Câu 17**: Để đẩy nhanh sự phát triển đất nước, Nhật Bản coi trọng yếu tố nào?

**A.** Đầu tư ra nước ngoài. **B.** Thu hút vốn đầu tư bên ngoài.

**C.** Mua các phát minh sáng chế. **D.** Giáo dục và khoa học kĩ thuật.

**Câu 18:** Từ nữa sau những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản đã

**A.** trở thành siêu cường tài chính số một, là chủ nợ lớn nhất thế giới.

**B.** nền kinh tế đứng đầu châu Á và chủ nợ đứng hai thế giới sau Mĩ.

**C.** trở thành nền kinh tế đứng thứ hai thế giới tư bản sau Mĩ.

**D.** trở thành trung tâm kinh tế tài chính đứng thứ hai thế giới tư bản sau Mĩ.

**Câu 19**: Yếu tố bên ngoài tạo điều kiện cho kinh tế Nhật Bản phát triển là

**A.** nguồn tài nguyên phong phú và công nhân giá rẻ.

**B.** áp dụng khoa học kĩ thuật trong sản xuất.

**C.** được Mĩ bảo trợ về an ninh, chi phí cho quốc phòng thấp.

**D.** sự viện trợ của Mĩ, chiến tranh ở Triều Tiên và chiến tranh Việt Nam.

**Câu 20:** Vì sao sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản chi phí cho quốc phòng thấp?

**A.** Được Mĩ bảo hộ.

**B.** Tập trung cho kinh tế.

**C.** Nhật thực hiện chính sách trung lập.

**D.** Nhật chú trọng xây dựng nền hòa bình thế giới.

**Câu 21**: Từ nữa sau những năm 70 thế kỉ XX, Nhật Bản thực hiện chính sách đối ngoại trở về châu Á dựa trên cơ sở nào?

**A.** Nền kinh tế đứng đầu thế giới. **B.** Tiềm lực kinh tế tài chính hùng hậu.

**C.** Lực lượng quân đội phát triển nhanh. **D.** Mĩ bắt đầu bảo trợ về hạt nhân.

**Câu 22:** Năm 1956, cùng với việc bình thường hoá quan hệ vói Liên Xô, Nhật Bản tham gia

**A.** Liên minh Mĩ - Nhật. **B.** Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO).

**C.** Liên minh châu Âu (EU). **D.** Liên hợp quốc.

**Câu 23:** Năm 1973, Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với

**A.** Liên Xô. **B.** Việt Nam. **C.** Trung Quốc. **D.** Triều Tiên.

**Câu 24:** Những sự kiện thể hiện sự “trở về” châu Á của Nhật Bản là

**A.** kí Hiệp ước Hoà bình và Hữu nghị Nhật - Trung.

**B.** đưa ra học thuyết Phucưda và học thuyết Kaiphu.

**C.** đưa ra học thuyết Miyadaoa và học thuyết Hasimôtô.

**D.** kí Hiệp định thương mại tự do với ASEAN.

**Câu 25:** Nội dung chủ yếu của học thuyết Phucưda và học thuyết Kaiphu là

**A.** tăng cường các mối quan hệ với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

**B.** coi trọng quan hệ với Mĩ và mở rộng quan hệ đối ngoại với Mĩ trên phạm vi toàn cầu.

**C.** tăng cường quan hệ về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội với Mĩ và Tây Âu.

**D.** tăng cường quan hệ về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội với Trung Quốc.

**Câu 26:** Trong lĩnh vực khoa học - kĩ thuật, Nhật Bản tập trung vào lĩnh vực sản xuất phục vụ

**A.** nhu cầu quân sự. **B.** nghiên cứu vũ trụ.

**C.** nhu cầu sản xuất. **D.** nhu cầu dân dụng.

**BÀI 9. QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH**

**Câu 1**: Nguyên nhân chính nào dẫn đến chiến tranh lạnh?

**A.** Do mâu thuẫn giữa hai hệ thống xã hội TBCN và XHCN.

**B.** Do sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc.

**C.** Do sự đối lập về mục tiêu chiến lược của Liên Xô và Mĩ.

**D.** Do sự phát triển của các nước tư bản chủ nghĩa.

**Câu 2:** Sự kiện nào đánh dấu sự xác lập cục diện hai phe, hai cực trên thế giới?

**A.** Chủ nghĩa xã hội hình thành ở Trung Quốc**.**

**B.** Sự ra đời của NATO và tổ chức Hiệp ước Vacsava.

**C.** Thông điệp của Tổng thống Truman tại quốc hội Mĩ 12-3-1947.

**D.** Kế hoạch Macsan năm 1947 của Mĩ viện trợ cho Tây Âu.

**Câu 3**: Một trong những nguyên nhân dẫn đến Mĩ, Liên Xô cùng tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh là

**A.** nền kinh tế hai nước đều lâm vào khủng hoảng.

**B.** sự suy giảm thế mạnh của cả hai nước trên nhiều mặt.

**C.** phạm vi ảnh hưởng của Mĩ bị mất, Liên Xô bị thu hẹp.

**D.** trật tự hai cực Ianta xóa mòn và sụp đổ.

**Câu 4**: Sự kiện nào mở đầu cho xu thế hòa hoãn Đông – Tây?

**A.** Hai nước CHDC Đức và CHLB Đức kí hiệp định năm 1972.

**B.** Mĩ và Liên Xô kí hiệp ước về hạn chế vũ khí tiến công chiến lược năm 1972.

**C.** Định ước Hen Xin ki được các nước Mĩ, Canađa, các nước Châu Âu năm 1975.

**D.** Các cuộc gặp gỡ thương lượng Xô – Mĩ đầu những năm 70 thế kỉ XX.

**Câu 5:** Bản chất quan hệ quốc tế trong chiến tranh lạnh là ( chủ yếu quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô)

**A.** đối đầu căng thẳng. **B.** hợp tác hữu nghị.

**C.** đối thoại hợp tác. **D.** liên minh chặt chẽ.

**Câu 6:** Sau chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tập trung vào lĩnh vực nào?

**A.** Phát triển kinh tế để xây dựng quốc gia. **B.** Phát triển khoa học – công nghệ.

**C.** Phát triển công nghiệp quốc phòng. **D.** Phát triển quan hệ với nhiều nước.

**Câu 7:** Tổ chức quân sự NATO do Mỹ cầm đầu là nhằm

**A.** khống chế chi phối các nước đồng minh.

**B.** chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.

**C.** đàn áp phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**D.** thực hiện chiến lược toàn cầu.

**Câu 8:** Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện khởi đầu cuộc “Chiến tranh lạnh”?

**A.** Đạo luật viện trợ nước ngoài của Quốc hội Mĩ.

**B.** Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman.

**C.** Diễn văn của ngoại trưởng Mĩ Macsan.

**D.** Chiến lược toàn cầu của Tổng thống Mĩ Rudơven.

**Câu 9**: Cuộc chiến tranh lạnh kết thúc đánh dấu bằng sự kiện nào?

**A.** Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM ) năm 1972.

**B.** Định ước Henxinki năm 1975.

**C.** Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goocbachốp tại đảo Manta (12/1989)

**D.** Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10/1991 )

**Câu 10:** Tổ chức nào sau đây là liên minh quân sự lớn nhất của các nước tư bản phương Tây.

**A.** Vacsava. **B.** ASEAN. **C.** NATO. **D.** EU.

**Câu 11:** Dựa trên cơ sở nào để giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình và an ninh của 33 nước Châu Âu, Mĩ và Canađa là

**A.** Định ước Henxinkin.

**B.** Hiến chương Liên hợp quốc.

**C.** Nguyên tắc hoạt động của Liên minh châu Âu (EU).

**D.** Nguyên tắc hoạt động của ASEAN.

**Câu 12:** Việc kí hiệp định cơ sở quan hệ giữa đông Đức và tây Đức có ý nghĩa như thế nào?

**A.** Chấm dứt tình trạng chiến tranh lạnh ở châu Âu.

**B.** Làm cho tình hình châu Âu bớt căng thẳng.

**C.** Đánh đấu sự tái thống nhất nước Đức.

**D.** Chấm dứt tình trạng đối đầu giữa hai phe ở châu Ậu.

**Câu 13:** Hâu quả nghiêm trọng nhất của chiến tranh lạnh đối với thế giới là

**A.** các nước chạy đua vũ trang và sản xuất vũ khí.

**B.** nhiều căn cứ quân sự được thiết lập ở khắp nơi.

**C.** thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng.

**D.** chiến tranh cục bộ đã xảy ra một số nơi.

**Câu 14:** Nhân tố chi phối quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu thập niên 90 của thế kỉ XX?

**A.** Sự cạnh tranh quyết liệt thị trường và thuộc địa giữa các nước tư bản.

**B.** Xu thế liên minh kinh tế và khu vực.

**C.** Trật tự thế giới hai cực Ianta.

**D.** Sự phát triển của khoa học và kĩ thuật.

**Câu 15**: Nội dung nào dưới đây **không** phải là xu thế của thế giới sau chiến tranh lạnh chấm dứt đến năm 2000?

**A.** Trật tự thế giới đơn cực được xác lập trong quan hệ quốc tế.

**B.** Trật tự thế giới mới hình thành theo xu hướng đa cực.

**C.** Hòa bình thế giới được củng cố nhưng nhiều nơi nhiều khu vực không ổn định.

**D.** Các nước đều tập trung lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.

**Câu 16:** Mĩ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh **không** xuất phát từ

**A.** cả hai nước đều gặp khó khăn do tác động của PTGPDT.

**B.** cả hai nước cần thoát khỏi thế đối đầu để ổn định và củng cố vị thế của mình.

**C.** sự suy giảm thế mạnh của cả hai nước so với các cường quốc khác.

**D.** sự suy thoái về kinh tế do chạy đua vũ trang.

**Câu 17**: Nhận định chung về quan hệ quốc tế nữa sau thế kỉ XX là

**A.** mở rộng và đa dạng. **B.** liên minh khu vực.

**C.** toàn cầu hóa. **D.** thỏa hiệp, tránh xung đột.

**Câu 18**: Nội dung nào sau đây **không** phải là tác động của phong trào giải phóng dân tộc đối với quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai?

**A.** Dẫn đến sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trên thế giới.

**B.** Sau khi độc lập các nước tích cực tham gia vào đời sống chính trị thế giới.

**C.** Dẫn đến tình trạng đối đầu giữa các cường quốc về vấn đề thuộc địa.

**D.** Góp phần làm xóa mòn trật tự thế giới hai cực Ianta.

**Câu 19:** Những năm 80 của thế kỉ XX, Liên Xô, Mĩ đạt được những thỏa thuận nào sau đây?

**A.** Ngừng chế tạo bom nguyên tử. **B.** Thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc.

**C.** Thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu. **D.** Thủ tiêu chủ nghĩa thực dân mới.

**Câu 20**:Trong những năm 1947-1991, sự kiện nào tạo ra cơ chế giải quyết liên quan đến hòa bình an ninh châu Âu.

**A.** Mĩ Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

**B.** Định ước Hexinki được kí giữa Mĩ Canada châu Âu.

**C.** Liên Xô Mĩ kí hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược.

**D.** Hiệp định về cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức.

**Câu 21:** Sự ra đời của NATO và Hiệp ước Vácsava là hệ quả trực tiếp của

**A.** các cuộc chiến tranh cục bộ trên thế giới.

**B.** cuộc chiến tranh lạnh do Mĩ phát động.

**C.** xung đột vũ trang giữa Đông Âu và Tây Âu.

**D.** chiến lược ngăn đe thực tế của Mĩ.

**Câu 22:** Trong thời kì chiến tranh lạnh, quốc gia nào là tâm điểm đối đầu hai cực Xô Mĩ?

**A.** Đức. **B.** Pháp **C.** Anh. **D.** Hi lạp.

**Câu 23:** Hiệp định về cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức (1972) và Định ước Hexinki (1975) đều chủ trương

**A.** Thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu và cắt giảm vũ khí chiến lược.

**B.** giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

**C.** tiến hành thúc đẩy hợp tác kinh tế chính trị và quốc phòng.

**D.** giải thể các tổ chức quân sự của Mĩ và Liên Xô tại châu Âu.

**Câu 24:** Việc kí kết Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông và Tây Đức (1972) và Định ước Henxinki (1975) đều có tác động nào sau đây?

 **A.** Dẫn đến sự ra đời của Cộng đồng châu Âu (EC).

 **B.** Làm xuất hiện xu thế liên kết khu vực ở châu Âu.

 **C.** Chấm dứt tình trạng cạnh tranh giữa các cường quốc ở châu Âu.

 **D.** Tạo điều kiện giải quyết hòa bình các tranh chấp ở châu Âu.

**Câu 25:** Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, quốc gia nào sau đây trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới?

 **A.** Liên Xô. **B.** Trung Quốc. **C.** Italia. **D.** Mĩ.

**Câu 26:** Năm 1949, sản lượng nông nghiệp của nước nào bằng hai lần tổng sản lượng nông nghiệp của các nước Anh, Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Italia, Nhật Bản?

 **A.** Hà Lan. **B.** Trung Quốc. **C.** Mĩ. **D.** Tây Ban Nha.

**Câu 27:** Để tạo môi trường quốc tế thuận lợi, các nước lớn đã điều chỉnh mối quan hệ theo chiều hướng

**A.** tham gia vào các tổ chức liên kết khu vực.

**B.** thành lập liên minh quốc tế chống chủ nghĩa khủng bố.

**C.** đối thoại, thoả hiệp, tránh xung đột.

 **D.** đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ.

**Câu 28:**  Việc Mĩ triển khai “Kế hoạch Mácsan” có tác động đến quan hệ quốc tế ở châu Âu như thế nào?

**A.** Tạo sự đối lập về quân sự giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô và Đông Âu.

**B.** Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Tây Âu vói Đông Âu.

**C.** Tạo sự liên kết kinh tế giữa Mĩ và Tây Âu với Đông Âu.

**D.** Tạo sự đối lập về kinh tế - chính trị giữa Mĩ và Tây Âu với Liên Xô.

**BÀI 10. CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA**

**NỮA SAU THẾ KỈ XX**

**Câu 1:** Cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại đã và đang đưa loài người chuyển sang thời đại văn minh

**A.** thương mại. **B.** công nghiệp. **C.** dịch vụ. **D.** trí tuệ.

**Câu 2**: Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

**B.** khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
**C.** sự bùng nổ của các lĩnh vực khoa học - công nghệ.

**D.** mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.

**Câu 3:** Việt Nam có thời cơ thuận lợi gì trong xu thế hòa bình, ổn định hợp tác phát triển?

**A.** Ứng dụng thành tựu KH-KT vào sản xuất.

**B.** Nâng cao trình độ tập trung vốn và công nghệ.

**C.** Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng thành tựu KH-KT.

**D.** Có được thị trường lớn để xuất khẩu và đầu tư.

**Câu 4**: Khi dân số bùng nổ, tài nguyên thiên nhiên ngày càng cạn kiệt, nhân loại đang cần đến những yếu tố nào?

**A.** Công cụ sản xuất mới . **B.** Nguyên liệu tái tạo.

**C.** Nguồn năng lượng mới, vật liệu mới. **D.** Năng lượng mới.

**Câu 5:** Xu thế toàn cầu hoá trên thế giới là hệ quả của

**A.** sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế. **B.** cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

**C.** sự ra đời của các công ty xuyên quốc gia. **D.** quá trình thống nhất thị trường thế giới.

**Câu 6:** Nguồn gốc của cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật bắt đầu từ

**A.** giải quyết vấn đề bùng nổ dân số và ô nhiễm môi trường.

**B.** giải quyết những đòi hỏi của sản xuất.

**C.** đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống và sản xuất.

**D.** đáp ứng nhu câu vật chất của con người.

**Câu 7**: Đâu là hạn chế cơ bản nhất của cuộc cách mạng khoa học- kĩ thuật lần 2?

**A.** Nạn khủng bố gây nên tình trạng căng thẳng.

**B.** Đặt con người trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh mới.

**C.** Tình trạng ô nhiễm môi trường, việc chế tạo những vũ khí hủy diệt.

**D.** Nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân.

**Câu 8**: Điểm khác nhau căn bản giữa cuộc cách mạng KH-KT và công nghệ ngày nay so với cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX là mọi phát minh kĩ thuật

**A.** dựa trên các ngành khoa học cơ bản. **B.** dựa trên các nghiên cứu khoa học.

**C.** dựa trên các nghiên cứu thực tiễn. **D.** bắt nguồn từ ngành công nghiệp chế tạo.

**Câu 9**: Sự kiện gây chấn động thế giới vào năm 1997 là

**A.** các nhà khoa học tạo ra con cừu Đô li bằng phương pháp sinh sản vô tính.

**B.** các nhà khoa học đã giải mã thành công bản đồ gen người.

**C.** Trung quốc phóng tàu Thần Châu 5.

**D.** Mĩ phóng tên lửa phá vỡ được thiên thạch lớn đang lao về trái đất.

**Câu 10:** Thách thức lớn nhất mà Việt Nam phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa là gì

**A.** Sự chênh lệch về trình độ dân trí khi tham gia hội nhập.

**B.** Sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

**C.** Quản lí sử dụng chưa có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài.

**D.** Sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường thế giới.

**Câu 11:** Bản chất của toàn cầu hóa là

**A.** sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

**B.** quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động qua lại lẫn nhau, phụ thuộc nhau của các khu vực, quốc gia, dân tộc trên thế giới.

**C.** tác động qua lại lẫn nhau, phụ thuộc nhau của các khu vực, quốc gia, dân tộc trên thế giới.

**D.** sự lệ thuộc vào thị trường thế giới của tất cả các quốc gia.

**Câu 12:** Đâu **không** phải là biểu hiện của quá trình toàn cầu hóa?

**A.** Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

**B.** Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

**C.** Sự phát triển của khoa học và công nghệ.

**D.** Sự ra đòi của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

**Câu 13:** Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia là 1 trong những biểu hiện của

**A.** hợp tác và đấu tranh**. B.** toàn cầu hóa. **C.** hòa hoãn tạm thời. **D.** đa phương hóa.

**Câu 14:** Vì sao toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, thực tế không thể đảo ngược?

**A.** Kết quả của việc thu hút nguồn lực bên ngoài của các nước đang phát triển.

**B.** Các nước tư bản tăng cường đầu tư vốn ra thị trường.

**C.** Các cường quốc đẩy mạnh liên kết khu vực và toàn cầu.

**D.** Kết quả của quá trình tăng tiến mạnh mẽ của lực lượng sản xuất.

**Câu 15:** Vì sao toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, thực tế không thể đảo ngược?

**A.** Kết quả của việc mở rộng các tổ chức liên kết quốc tế.

**B.** Kết quả của việc thống nhất thị trường các nước đang phát triển.

**C.** Hệ quả của việc mở rộng quan hệ thương mại giữa các cường quốc.

**D.** Hệ quả của cuộc cách mạng KH-KT hiện đại.

**Câu 16:** Những năm 70 của thế kỉ XX, cách mạng công nghệ trở thành cốt lõi của

**A.** cách mạng KH-KT hiện đại. **B.** cách mạng công nghiệp.

**C.** cách mạng thông tin. **D.** cách mạng KH-KT lần thứ nhất.

**Câu 17**: Một trong những mặt tiêu cực của toàn cầu hóa là

**A.** nguy cơ dánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. **B.** hạn chế sự chuyển biến cơ cấu kinh tế.

**C.** kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. **D.** hạn chế tăng trưởng kinh tế.

**Câu 18:** Một trong những hệ quả tích cực của toàn cầu hóa là

**A.** giải quyết triệt để những bất công xã hội.

**B.** thúc đẩy phát triển lục lượng sản xuất.

**C.** giải quyết căn bản sự phân hóa giàu-nghèo.

**D.** giúp giữ nguyên cơ cấu kinh tế.

**Câu 19:** Yếu tố tác động đến xu thế liên kết kinh tế trên thế giới nữa sau thế kỉ XX là sự

**A.** xuất hiện và phát triển của các công ty độc quyền.

**B.** hình thành các trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới.

**C.** phát triển của cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại.

**D.** xuất hiện và chi phối nền kinh tế thế giới của tư bản tài chính.

**Câu 20**: Tác dụng quan trọng của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại là

**A.** tạo ra lượng hàng hóa khổng lồ. **B.** đem lại sự tăng trưởng cao về kinh tế.

**C.** giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng. **D.** thay đổi cơ bản nhân tố sản xuất.

**Câu 21:** Tại sao nói hòa bình, ổn đinh và hợp tác phát triển là thời cơ dối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI?

**A.** Tạo môi trường hòa bình để các dân tộc phát triển và cơ hội để giao lưu hợp tác.

**B.** Không bị chiến tranh đe dọa có điều kiện phát triển đất nước.

**C.** Có điều kiện thuận lợi về chính trị để phát triển kinh tế.

**D.** Có điều kiện để tăng cường giao lưu giữa các quốc gia và khu vực.

**Câu 22**: Trước thách thức của toàn cầu hóa, Việt Nam cần làm gì để tận dụng thời cơ và hạn chế thách thức?

**A.** Đi tắt đón đầu những thành tựu khoa học –công nghệ.

**B.** Đi tắt đón đầu những thành tựu khoa học –công nghệ và tận dụng nguồn vốn.

**C.** Đi tắt đón đầu những thành tựu khoa học –công nghệ, xây dựng nề văn hóa tiên tiến.

**D.**Tiếp thu thành tựu KH-CN, xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, giữ vững chủ quyền.

**BÀI 11:TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000**

**Câu 1:** Đặc trưng của trật tự hai cực Ianta là

**A.** thế giới chia thành hai phe. **B.** cách mạng khoa học kĩ thuật phát triển.

**C.** Mĩ đứng đầu thế giới. **D.** quan hệ đối đầu giữa các cường quốc.

**Câu 2:** Sự kiện nào đánh dấu CNXH trở thành hệ thống ?

**A.** Cách mạng Trung Quốc thành công.

**B.** Cách mạng Cu ba thành công.

**C.** Cách mạng Việt Nam thành công.

**D.** Cách mạng dân chủ nhân dân Đông Âu thành công.

**Câu 3**: Tổn thất to lớn của phong trào cộng sản quốc tế sau chiến tranh lạnh là

**A.** hệ thống thuộc địa bị tan rã. **B.** CNXH ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ.

**C.** trật tự hai cực Ianta sụp đổ. **D.** chiến tranh lạnh chấm dứt.

**Câu 4:** Thất bại nặng nề của Mĩ trong chiến lược toàn cầu sau chiến tranh thế giới thứ hai là

**A.** Cách mạng Cuba thành công (1959).

**B.** khi chiến tranh lạnh chấm dứt (1989).

**C.** trong cuộc chiến xâm lược Việt Nam (1954-1975).

**D.** trong cuộc chiến tranh Triều Tiên (1953).

**Câu 5**: Dưới tác động của cách mạng khoa học-kĩ thuật, các nước tư bản có xu hướng

**A.** liên kết kinh tế khu vực. **B.** cải cách kinh tế, chính trị.

**C.** ứng dụng khoa học kĩ thuật. **D.** xu thế toàn cầu hóa.

**Câu 6:** Sau chiến tranh lạnh chấm dứt, quan hệ giữa các cường quốc chủ yếu là

**A.** đối đầu, căng thẳng. **B.** xung đột lợi ích.

**C.** hợp tác cùng có lợi. **D.** đối thoại, thỏa hiệp.

**Câu 7**: Sự phát triển của khoa học – kĩ thuật đặt ra cho các quốc gia vấn đề gì để phát triển ?

**A.** Cần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. **B.** Mở cửa, cải cách kinh tế.

**C.** Chấp nhận toàn cầu hóa. **D.** Tăng cường khai thác tài nguyên.

**Câu 8:** Sau chiến tranh lạnh các quốc gia điều chỉnh chiến lược

**A.** lấy quốc phòng làm trọng tâm. **B.** phát triển kinh tế làm trọng tâm.

**C.** cải cách đất nước giữ gìn hòa bình. **D.** đầu tư khoa học kĩ thuật.

**Câu 9:** Xu thế chủ đạo của thế giới sau chiến tranh lạnh là

**A.** khủng bố nhiều nơi. **B.** xung đột sắc tộc, tôn giáo.

**C.** hòa bình và ổn định. **D.** do Mĩ chi phối.

**Câu 10:** Từ thập kỉ 90 thế kỉ XX, thế giới đang chứng kiến

**A.** xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ. **B.** thiên nhiên bị tàn phá nghiêm trọng.

**C.** cách mạng KH-KT đạt nhiều thành tựu. **D.** chiến tranh xảy ra nhiều nơi.

**Câu 11:** Trong giai đoạn sau chiến tranh lạnh (1991-2000), các cường quốc điều chỉnh quan hệ theo xu hướng hòa dịu, đối thoại, tránh xung đột trực tiếp chủ yếu vì

**A.** muốn có điều kiện thuận lợi để vươn lên xác lập vị thế quốc tế.

**B.** các tổ chức chính trị tăng cường can thiệp vào quan hệ quốc tế.

**C.** tác động tích cực của các tập đoàn tư bản đối với nền chính trị.

**D.** hoạt động hiệu quả của các liên kết thương mại quốc tế.

**Câu 12:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, bản đồ chính trị thế giới thay đổi to lớn và sâu sắc chủ yếu là do

**A.** các cuộc chiến tranh cục bộ bùng nổ khắp nơi.

**B.** thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc.

**C.** sự ra đời của hai khối quân sự đối lập.

**D.** Mĩ thành công trong chiến lược toàn cầu.

**Câu 13:** Một trong những yếu tố tác động đến sự hình thành trật tự thế giới giai đoạn sau chiến tranh lạnh

**A.** sự phát triển của các lực lượng hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

**B.** sự xuất hiện ngày càng mở rộng của các công ty độc quyền.

**C.** sự xuất hiện chi phối nền kinh tế thế giới của tư bản tài chính.

**D.** các nước thực hiện chiến lược phát triển kinh tế khác nhau.

**Câu 14:** Chiến tranh lạnh đã kết thúc

**A.** giúp các nước Đông Dương thoát khỏi sự ảnh hưởng của Liên xô và Mĩ.

**B.** tạo điều kiện để Đông Dương hội nhập quốc tế.

**C.** giúp các nước Đông Dương thoát khỏi sự sự lệ thuộc vào viện trợ nước ngoài.

**D.** thúc đẩy xu thế đối thoại, hợp tác giữa Đông Dương với các nước khác.

**Câu 15:** Vĩ tuyến 17 trở thành giới tuyến quân sự tạm thời chia cắt hai miền Nam- Bắc Việt Nam là quyết định của

**A.** Hội nghị Pốtxđam. **B.** Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương.

**C.** Hội nghị Pari về Việt Nam. **D.** Hội nghị Ian ta.

**Câu 16**: Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, chính quyền Mĩ đã theo đuổi đường lối nào trong quan hệ quốc tế?

**A.** Trở thành siêu cường trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.

**B.** Tìm cách vươn lên thế “một cực”.

**C.** Thiết lập quan hệ đa cực, Mĩ giữ vai trò trung tâm.

**D.** Mĩ từ bỏ tham vọng bá chủ thế giới.

**Câu 17**: Nội dung nào dười đây **không** phản ánh quan hệ quốc tế thời kì chiến tranh lạnh?

**A.** Tình trạng đối đầu căng thẳng giữa Liên Xô và Mĩ.

**B.** Chiến tranh cục bộ xảy ra nhiều nơi trên thế giới.

**C.** Trật tự hai cụa Ianta từng bước bị xói mòn.

**D.** Các cường quốc tránh xung đột, thỏa hiệp.

**Câu 18:** Chiến tranh lạnh chấm dứt dẫn đến hệ quả nào?

**A.** Mĩ từ bỏ âm mưu chống lại các nước xã hội chủ nghĩa.

**B.** Một cực Liên Xô sụp đổ, trật tự hai cực Ianta tan rã.

**C.** Vị thế của Mĩ, Liên Xô suy giảm nghiêm trọng.

**D.** Các tổ chức quân sự NATO, Vacsava giải thể.

**Câu 19:** Đặc điểm lớn nhất bao trùm lịch sử thế giới từ sau năm 1945 là

**A.** các cuộc chiến tranh, xung đột sắc tộc, tôn giáo…liên tiếp xảy ra nhiều nơi.

**B.** cuộc cách mạng khoa học-kĩ thuật đạt nhiều thành tựu to lớn.

**C.** hình thành ba trung tâm kinh tế tài chính lớn: Mĩ-Tây Âu- Nhật Bản.

**D.** thế giới hình thành hai phe: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

**Câu 20:** Để thích ứng với xu thế toàn cầu hóa, các nước trên thế giới trong đó có Việt Nam đã và đang

**A.** đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**B.** nhanh chóng ứng dụng các thành tựu khoa học vào trong sản xuất.

**C.** tranh thủ tận dụng các ngồn vốn, và kĩ thuật của bên ngoài.

**D.** nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức để phát triển.

**Câu 21:** Trong thập niên 90 của thế kỉ XX, các cuộc xung đột quận sự xảy ra ở bán đảo Ban căng và một số nước châu Phi là một trong những

**A.** di chứng của cuộc chiến tranh lạnh.

**B.** biểu hiện mâu thuẫn mới trong trật tự hai cực Ian ta.

**C.** biểu hiện sự trỗi dạy của các thế lực mới trong trật tự đa cực.

**D.** thành công của Mĩ trong thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

 **ĐÁP ÁN PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI 1945-2000**

**BÀI 1:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-C | 2-C | 3-B | 4-D | 5-A | 6-C | 7-D | 8-B | 9-A | 10-B | 11-D |
| 12-C | 13-B | 14-C | 15-B | 16-B | 17-C | 18-D | 19-B | 20-B | 21-D | 22-A |
| 23-B | 24-C | 25-D | 26-D | 27-C | 28-A | 29-C | 30-C | 31-B | 32-B | 33-A |
| 34-B | 35-B | 36-D | 37D |  38A |  |  |  |  |  |  |

**BÀI 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-A | 2-C | 3-B | 4-C | 5-A | 6-D | 7-D | 8-B | 9-A | 10-A | 11-B |
| 12-C | 13-D | 14-D | 15-A | 16-B | 17-D | 18-D | 19-B | 20-B | 21-B | 22-D |
| 23-B | 24-B | 25-A | 26-C | 27-A | 28-B | 29-A | 30-C | 31-B | 32-B | 33-B |
| 34-C | 35-D | 36B | 37A | 38B | 39B | 40B |  |  |  |  |

**BÀI 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-C | 2-B | 3-D | 4-B | 5-A | 6-C | 7-C | 8-C | 9-A | 10-B | 11-C |
| 12-B | 13-B | 14-A | 15-A | 16-D | 17-D | 18-B | 19-C | 20-D | 21-C | 22-A |
| 23-A | 24-B | 25-C | 26-D | 27-A | 28-D | 29-A | 30-A | 31- | 32- | 33- |

**BÀI 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-A | 2-B | 3-A | 4-B | 5-A | 6-A | 7-B | 8-C | 9-B | 10-D | 11-C |
| 12-C | 13-B | 14-C | 15-A | 16-A | 17-C | 18-A | 19-C | 20-B | 21-A | 22-C |
| 23D |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**BÀI 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-A | 2-B | 3-C | 4-D | 5-C | 6-B | 7-A | 8-A | 9-C | 10-D | 11-A |
| 12-B | 13-D | 14-B | 15-D | 16-B | 17-D | 18-A | 19-D | 20-A | 21-B | 22-D |
| 23-B | 24-B | 25-A | 26-D |  |  |  |  |  |  |  |

**BÀI 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-C | 2-B | 3-B | 4-D | 5-A | 6-A | 7-B | 8-B | 9-C | 10-C | 11-A |
| 12-B | 13-C | 14-C | 15-A | 16-A | 17-A | 18-C | 19-C | 20-B | 21-B | 22-A |
| 23-B | 24-D | 25-A | 26-C | 27-C | 28-B | 29- | 30- | 31- | 32- | 33- |

**BÀI 10**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-D | 2-B | 3-C | 4-C | 5-B | 6-C | 7-C | 8-B | 9-A | 10-D | 11-B |
| 12-C | 13-B | 14-D | 15-D | 16-A | 17-A | 18-B | 19-C | 20-D | 21-A | 22-D |
| 23- | 24- | 25- | 26- | 27- | 28- | 29- | 30- | 31- | 32- | 33- |

**BÀI 11**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-A | 2-D | 3-B | 4-C | 5-A | 6-D | 7-A | 8-D | 9-C | 10-A | 11-A |
| 12-B | 13-A | 14-D | 15-B | 16-B | 17-D | 18-B | 19-D | 20-D | 21-A | 22- |